

Bản án số: **39/2023/HNGĐ-PT**.

Ngày 31/8/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 30/8 và 31/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26/7/2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 07/8/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2023/QĐ-PT ngày 16/8/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Hà Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn Then, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Anh T hiện đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Hà Văn T: Luật sư Phạm Xuân A - Văn phòng luật sư Phạm Xuân A; địa chỉ: Phố Vôi, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Then, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T2: Luật sư Phan Văn Tiền - Luật sư Văn phòng luật sư Phan Tiền và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn Then, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt ngày 30/8/2023, có mặt ngày 31/8/2023)

*** Người kháng cáo:** Bị đơn chị Nguyễn Thị T2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hà Văn T và đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị T2 đăng ký kết hôn ngày 15/9/2009 tại Ủy ban xã Thái Đào, huyện Lạng Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2010, nguyên nhân vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, đến năm 2016 anh T đi lao động tại Nhật bản. Do vợ chồng ở xa nên mâu thuẫn càng lớn. Tháng 11/2022 anh T hết hạn hợp đồng về nước. Sau khi về chung sống anh T và chị T2 tục có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi nhau. Ngày 31/01/2023 Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu của anh T. Ngày 03/2/2023 anh T sang Nhật Bản làm việc. Trước khi anh sang Nhật làm việc anh uỷ quyền cho luật sư Phạm Xuân Anh giải quyết về con chung và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Nay anh T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên anh T xin được ly hôn với chị T2.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Hà Kim Anh, sinh ngày 15/11/2010; Hà Duy Khoa, sinh ngày 16/12/2012; Hà Quốc Việt, sinh ngày 01/11/2014. Hiện nay các con đang ở cùng với chị T2. Khi ly hôn, nguyện vọng anh T xin nuôi 03 con chung và không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh T đang không có mặt, nguyện vọng muốn chị T2 tiếp tục nuôi 03 con chung, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T2 là 2 triệu đồng/cháu/tháng và sẽ cho chị T2 tiếp tục lưu cư ở lại chăm sóc các con tại đất và nhà của anh T trong thời gian anh T vắng mặt. Sau khi anh T về thì sẽ làm đơn đề nghị thay đổi để xin nuôi con. Trường hợp chị T2 cương quyết không nhận nuôi con thì anh T vẫn có nguyện vọng nuôi con và nhờ em trai là anh Hà Văn Đ, sinh năm 1992 sẽ thay anh chăm lo, chăm sóc, nuôi dưỡng các con hộ anh trong thời gian anh không có mặt tại nhà.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 1 tầng diện tích 86m² chưa hoàn thiện xây dựng năm 2013 (mới xây thô), xây dựng trên diện tích đất anh T thừa kế riêng. Anh T xin nhận nhà và trích chia bằng tiền giá trị tương ứng chị T2 được hưởng.

Tổng giá trị tài sản của vợ chồng đã được định giá là 193.575.400 đồng. Anh T sẽ thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho chị T2 là: 96.787.700 đồng và công

sức tân tạo số tiền: 3.500.000 đồng. Tổng số tiền anh T sẽ thanh toán cho chị T2 là: 100.287.700 đồng.

- Về công nợ chung: Không có.

* *Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời khai đại diện theo uỷ quyền của anh T và anh T đã trình bày, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh trình bày là đúng. Hiện nay các con đang ở với chị. Trong thời gian anh T đi nước ngoài các con vẫn do chị nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly hôn, thì chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con vì chị đi làm lương thấp không đủ điều kiện nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh T có nguyện vọng muốn chị nuôi 03 con chung trong thời gian anh T không có nhà nhưng chị từ chối vì không có điều kiện nhà đất. Sau khi ly hôn xong chị sẽ bàn giao tài sản, con cho gia đình anh T. Trường hợp 03 con ở với chị thì chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con là 7.000.000đồng / 01 con/ tháng.

3. Về tài sản chung: Chị đồng ý với ý kiến đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày, tổng trị giá tài sản chung của vợ chồng đã định giá là 193.575.400 đồng. Chị đồng ý nhận 96.787.700 đồng. Và tiền chị tân tạo đất trị giá 3.500.000 đồng, tổng số tiền mà chị được nhận là: 100.287.700 đồng như anh T đề nghị. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành làm việc với các con chung của anh chị. Các cháu đều trình bày: Bố mẹ các cháu ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với bố vì bố các cháu đi làm có điều kiện nuôi các cháu còn mẹ các cháu đi làm nhưng không có đủ tiền nuôi các cháu.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn Đ trình bày: Anh là em trai anh Hà Văn T. Nhà anh và nhà vợ chồng anh T ở gần nhà nhau, anh có được biết hiện nay các con anh T đều có nguyện vọng ở với anh T, do anh T đi lao động xuất khẩu không có nhà nên nếu Tòa án vẫn giao cho anh T nuôi con thì anh xin nhận chăm sóc các cháu thay anh T trong thời gian anh T không có nhà.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58, Điều 59, Điều 63, Điều 68; Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 111 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T2

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Kim Anh, sinh ngày 15/11/2010; Hà Duy Khoa, sinh ngày 16/12/2012; Hà Quốc Việt, sinh ngày 01/11/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn T cấp dưỡng nuôi con Hà Kim Anh, Hà Duy Khoa, Hà Quốc Việt cho chị T2 mỗi con là 2.000.000đồng /tháng, kể từ tháng 06/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Giao cho anh T quản lý sử dụng tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ các tài sản trên thửa đất số 91, tờ bản đồ số 37, diện tích 239,7m², tại địa chỉ: Thôn Them, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, bao gồm các tài sản: 01 nhà ở cấp bốn diện tích: 86m² xây thô, chưa hoàn thiện; 01 nhà vệ sinh xây dựng năm 2021 diện tích 8m², cổng inox ; 02 trụ cổng xây gạch; Tường bao quanh, sân bê tông, 02 bụi chuối, 05 cây đu đủ, 02 cây mít bé, 01 cây cóc bé, 01 cây ổi bé, các tài sản khác gồm: 01 điều hoà Daiki; 01 máy giặt LG; 01 tivi toshiba 32 in, 01 tủ lạnh Sharp. Trị giá tổng trị giá 193.575.400 đồng, nhưng có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho chị T2 là 96.787.700 đồng và tự nguyện thanh toán thêm cho chị T2 công sức tận tảo số tiền 3.500.000đồng. Tổng số tiền anh T phải thanh toán cho chị T2 là: 100.287.700 đồng.

Chị Nguyễn Thị T2 được anh Hà Văn T thanh toán giá trị tài sản được hưởng bằng tiền trị giá 100.287.700 đồng.

Chị Nguyễn Thị T2 có quyền lưu cư trên nhà đất của anh T sau khi ly hôn để chăm sóc các con đến khi anh T về Việt Nam sinh sống.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 26/6/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung. Chị không đồng ý nuôi 03 con chung như bản án sơ thẩm, đề nghị giao cả 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau như sau:

- Chị T2 trình bày: Chị nhất trí ly hôn và nhất trí chia tài sản như bản án sơ thẩm giải quyết. Về con chung do chị hiện nay không có thu nhập ổn định và chị đang làm thủ tục đi nước ngoài để có thu nhập tốt hơn, quá trình giải quyết ở tòa án cấp sơ thẩm các con chung của chị cũng đồng ý ở với anh T. Hiện tại anh T đang ở nước ngoài nhưng anh T cũng đề nghị được nuôi cả 03 con chung và không cần chị cấp dưỡng. Nếu anh T được nuôi con chung thì anh đề nghị trong thời gian anh ở nước ngoài anh nhờ em trai của anh T là anh Hà Văn Đ trông nom chăm sóc giáo dục các con chung của anh đến khi anh về nước. Do vậy chị

đề nghị Tòa án giao con chung của anh chị cho anh T nhưng tạm giao cho anh Đ để chị có cơ hội làm ăn phát triển kinh tế.

- Luật sư Phạm Xuân Anh trình bày anh Hà Văn T đồng ý với kháng cáo của chị T2, anh T đồng ý nhận nuôi cả 3 con chung, không đề nghị chị T2 cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh T ở nước ngoài thì tạm giao 03 con chung cho em trai là Hà Văn Đ nuôi dưỡng.

- Anh Hà Văn Đ trình bày: Anh là em trai của anh T. Anh đồng ý nhận nuôi cả 03 con chung của anh T và chị T2, đồng ý để chị thăm nom con chung và không cản trở gì, trường hợp anh T được nuôi cả 3 con chung anh T không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con chung và anh cũng không yêu cầu gì.

- Luật sư Phan Văn Tiền trình bày: Chị T2 không đủ điều kiện nuôi con vì thu nhập của chị thấp, sau khi chia tài sản thì chị không có chỗ ở ổn định. Chị T2 vẫn chu cấp cho con chứ không phải là bỏ con. Chị T2 đang chuẩn bị đi nước ngoài lao động và anh T cũng đồng ý nuôi con nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của chị T2.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Giao con chung là: Hà Kim Anh, sinh ngày 15/11/2010; Hà Duy Khoa, sinh ngày 16/12/2012; Hà Quốc Việt, sinh ngày 01/11/2014 cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho anh Hà Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh T về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí phúc thẩm: Chị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân và phân chia tài sản chung: Tại phiên tòa chị T2 trình bày, chị nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và tài sản chung, chị không có ý kiến gì và không

kháng cáo về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 về con chung, HĐXX thấy:

Anh T và chị T2 có 3 con chung là cháu Hà Kim Anh, sinh ngày 15/11/2010; cháu Hà Duy Khoa, sinh ngày 16/12/2012 và cháu Hà Quốc Việt, sinh ngày 01/11/2014. Tại phiên tòa chị T2 đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh T cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi, trường hợp chị không nuôi anh đề nghị giao cho anh nuôi và không yêu cầu chị cấp dưỡng. Quá trình làm việc tại Tòa án các con anh T có nguyện vọng muốn ở với bố.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của anh T trình bày: Bản án sơ thẩm đã xét xử giải quyết xong về tài sản buộc anh T phải trả cho chị T2 bằng tiền mặt để chị T2 tạo lập chỗ ở mới nên hiện nay chị T2 cũng không có chỗ ở nào ổn định để chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Anh T đồng ý với kháng cáo của chị T2 đề nghị giao cả 3 con chung cho anh T nuôi dưỡng và anh T không đề nghị cấp dưỡng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài thì tạm giao 03 con chung cho em trai là Hà Văn Đ nuôi dưỡng. Anh Hà Văn Đ cũng có ý kiến đồng ý nuôi 03 con chung giúp anh T trong thời gian anh T ở nước ngoài.

Xét nhu cầu, nguyện vọng của các con đều đề nghị được ở với bố và anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu, hiện nay các cháu ở ổn định trên nhà đất giao cho anh T. Chị T2 hiện nay không có chỗ ở ổn định, không có thu nhập để chăm sóc các cháu, bố mẹ đẻ anh T đều đã mất, mẹ đẻ chị T2 cũng già yếu trên 70 tuổi nên không thể chăm sóc các cháu được, anh T và chị T2 đều đồng ý tạm giao các cháu cho anh Đ chăm sóc các cháu khi anh T đang ở nước ngoài và tại phiên tòa anh Đ cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy các đương sự đều thống nhất về việc nuôi con chung nên cần giao con chung của anh chị cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và tạm giao cho anh Hà Văn Đ trong thời gian anh T đang ở nước ngoài là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con chung theo quy định tại Điều 58, Điều 68; Điều 69, Điều 71, 72, 73, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình và Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu và anh Đ không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Từ những phân tích trên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2, công nhận thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang về con chung như đã nêu ở trên.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 được chấp nhận nên chị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 BLTTDS và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148; Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2. Công nhận thoả thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang về con chung.

Giao con chung là cháu Hà Kim Anh, sinh ngày 15/11/2010; cháu Hà Duy Khoa, sinh ngày 16/12/2012 và cháu Hà Quốc Việt, sinh ngày 01/11/2014 cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho anh Hà Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh T đang ở nước ngoài đến khi anh T về nước. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị T2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005583 ngày 26 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương